



## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT VỀ QUAN HỆ TỘC NGƯỜI \*

NGUYỄN CÔNG THẢO

Trong lịch sử cũng như hiện nay, không có quốc gia nào chỉ có một tộc người. Tính đa tộc người trong phạm vi quốc gia khiến quan hệ tộc người là chủ đề được nhiều nhà khoa học quan tâm. Các chiều cạnh tiếp cận chính gồm có: chính trị, kinh tế, tôn giáo và văn hóa. Bài viết này giới thiệu khái quát một số quan điểm lý thuyết về quan hệ tộc người, chủ yếu ở châu Âu và Bắc Mỹ.

### 1. Một số khái niệm căn bản

#### 1.1. Tộc người (*ethnicity*)

Tộc người là một khái niệm phức tạp, được sử dụng với nhiều tên gọi khác nhau: tộc người, dân tộc, chủng tộc. Tuy nhiên, cách dùng chung nhất hiện nay vẫn là tộc người. Thuật ngữ tộc người (*ethnicity*, *ethnic group*) được sử dụng rộng rãi ở Mỹ từ những năm 1950, với nội hàm là một cộng đồng dân cư vốn có chung những đặc điểm sau: 1) Tương đồng về mặt sinh học; 2) Cùng chia

sẽ những giá trị văn hóa cơ bản; 3) Tạo ra một khu vực của giao tiếp và tương tác; 4) Có mối quan hệ thành viên đặc trưng và được xác định bởi các cộng đồng khác.

Tuy nhiên, lý thuyết này tỏ ra không hoàn toàn đúng đắn. Keyes (1976) phủ nhận quan điểm cho rằng, khái niệm tộc người giống với khái niệm chủng tộc và cho rằng “tộc người cần phải được nhìn nhận từ một nhóm có quan hệ nguồn gốc mà thành viên của nó chứng tỏ mối quan hệ này thông qua các thuộc tính văn hóa mà họ cùng chia sẻ” (tr. 383).

Ở Liên Xô (cũ), Gumilev (1990) cho rằng, quá trình hình thành tộc người là kết quả của sự thích ứng ban đầu của một cộng đồng đối với điều kiện sinh thái bản địa và quá trình hình thành cái mà ông gọi là *gien tộc người* (*ethno-genetic*) chỉ diễn ra ở những nơi mà điều kiện sinh thái thích hợp với nó. Trong khi đó, thuật ngữ Montagnard được các nhà nhân học Pháp dùng để chỉ chung các tộc người thiểu số sinh sống ở vùng miền núi khu vực Đông Dương (Mallerer và Taboulet, 1937; Saleminck, 2002). Lévi-Strauss sau này phản đối quan điểm đồng nhất tộc người với chủng tộc và

\* Bài viết này là sản phẩm của đề tài khoa học cấp Bộ “Một số lý thuyết về tộc người và tiếp cận ở Việt Nam” do PGS. TS. Nguyễn Văn Minh làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì thực hiện.

thuyết quyết định luận về ghen cho rằng, các tộc người nhỏ bé không văn minh và điều này bị quy định bởi ghen của chính các tộc người đó.

### 1.2. Dân tộc (*nation*)

Ở các nước phương Tây, ban đầu dân tộc cũng là một khái niệm trừu tượng, được diễn giải khác nhau. Có quan điểm cho rằng, thuật ngữ này bắt đầu nhắc đến nhiều từ thế kỷ XVII khi các cuộc đấu tranh nhằm lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế ở Anh và quá trình đấu tranh chống bị thuộc địa trong suốt thế kỷ XVIII - XIX (Greenfield, 1992). Dân tộc với cách nhìn này được dùng với ý nghĩa ban đầu là một cộng đồng có quyền tự chủ về mặt chính trị, có ranh giới địa vực cư trú rõ ràng (Anderson, 1991). Nó còn được coi là “*cộng đồng tưởng tượng*” được các chính trị gia sử dụng nhằm mục đích tạo mối gắn kết giữa các cộng đồng tộc người khác nhau, cùng sinh sống trên một vùng lãnh thổ với ranh giới xác định (Evans, 1993). Dân tộc gắn liền với nguồn gốc và quá trình hình thành một quốc gia trong khi tộc người gắn liền với quá trình phát triển, tạo dựng bản sắc văn hóa của một cộng đồng cụ thể (Calhoun, 1993).

### 1.3. Quan hệ tộc người

Quan hệ tộc người (QHTN) là mối quan hệ giữa các thành viên trong nội tộc người hoặc giữa một tộc người với một hoặc nhiều tộc người khác. Mối quan hệ này diễn ra ở nhiều cấp độ: cộng đồng, khu vực, quốc gia và quốc tế; dưới các hình thức khác nhau: quan phương, phi quan phương, cá nhân, nhóm xã hội, nghề nghiệp, dòng họ. Mối quan hệ này diễn ra nhằm nhiều mục

đích khác nhau: chính trị, kinh tế, văn hóa, tôn giáo.

Cuộc Cách mạng Công nghiệp diễn ra ở Anh vào cuối thế kỷ XVIII là tiền đề quan trọng dẫn đến những thay đổi nhanh, toàn diện cho mỗi QHTN. Trước giai đoạn này, mối quan hệ nội tộc người chiếm vai trò chủ đạo, quan hệ liên tộc người chưa thực sự rõ rệt và thường chỉ diễn ra trên một vài phương diện cụ thể, trong phạm vi địa lý tương đối nhỏ hẹp. Tuy nhiên, kể từ đầu thế kỷ XIX, mỗi QHTN đã từng bước vượt qua lần ranh giới tộc người, quốc gia và khu vực (Calhoun, 1993).

Có thể tổng kết QHTN bao gồm các nội hàm sau: 1) Quan hệ nội tộc người trong một quốc gia; 2) Quan hệ nội tộc người xuyên quốc gia; 3) Quan hệ liên tộc người trong một quốc gia; 4) Tộc người với nhà nước; 5) Quan hệ liên tộc người xuyên quốc gia.

## 2. Một số lý thuyết về quan hệ tộc người

### 2.1. Thuyết chức năng

Phát triển mạnh từ cuối thế kỷ XIX ở châu Âu, đây là lý thuyết đề cập trực tiếp đến mối quan hệ giữa tộc người đa số với thiểu số trong một quốc gia. Tinh thần chung của lý thuyết này là việc cho rằng, ở bất cứ một xã hội tồn tại bất bình đẳng về tộc người thì nó phản ánh sự hiện diện của 1 trong 2 điều kiện sau: hoặc là (i) bất bình đẳng tồn tại như một nhu cầu xã hội; hoặc (ii) bất bình đẳng là kết quả của những điều kiện xã hội mà trong chừng mực nào đó có ích cho xã hội ấy. Tuy nhiên, các chính phủ cần đảm bảo rằng, sự bất bình đẳng không được làm phá vỡ cấu trúc xã hội của từng tộc người

nếu không muốn chứng kiến những bất ổn xã hội (Calhoun, 1993).

Quan điểm của các học giả theo trường phái chức năng đã phần nào được thừa nhận là đúng đắn qua thực tế diễn ra ở một số quốc gia. Kể từ cuối những năm 1980, mỗi quan hệ này đã vượt qua biên độ bền vững, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự bùng nổ của những xung đột gây xáo trộn, mất ổn định xã hội ở một số quốc gia như: Liên Xô (cũ), Thổ Nhĩ Kỳ, Iran (Audrey, 1994). Những thay đổi này thường khiến các tộc người thiểu số bị đẩy ra ngoài rìa, khó tiếp cận các nguồn lực và *quyền lợi kinh tế* của họ bị nhóm đa số xâm phạm mà trường hợp Nam Tư là một ví dụ (Airat, 1996; Enver, 2000).

Điều này góp phần tác động đến quá trình *thay đổi nhanh chóng về chính trị, xã hội* như ở Liên Xô (cũ) hay Moldova. Câu hỏi đặt ra là việc thừa nhận một tộc người có phải là thiểu số hay không có ảnh hưởng quan trọng đến việc đưa ra những chính sách phù hợp mà trường hợp ở Latvia là một ví dụ. Bốn nhóm cộng đồng: Ba Lan, Belarus, Ukraina và Do Thái với dân số hơn 1 triệu người đã cư trú lâu đời ở Latvia nhưng họ thường không được coi là *tộc người thiểu số* vì không mang quốc tịch Latvia; vì thế, họ không nhận được những đãi ngộ từ Chính phủ. Đứng trước thực trạng này, mỗi nhóm cộng đồng này đã tự cố kết lại với nhau, lưu giữ, phục dựng những bản sắc truyền thống gốc của mình, tổ chức nhiều hoạt động. Quá trình cố kết tộc người này được coi như là một phương thức ứng phó với tâm thế bị “*ngoại biên hóa*”. Ngôn ngữ được coi là công cụ hữu hiệu nhất để gắn kết tộc người,

và người Do Thái là cộng đồng được coi là thành công nhất (Ilga, 1995). Xu thế này cũng khá phổ biến ở vùng lục địa Đông Nam Á và một số nước châu Á khác khi nhiều tộc người thiểu số luôn duy trì một thế ứng xử mang tính đối phó với các nhà nước cầm quyền (Scott, 2009).

Một dạng thức phản ứng của nhóm thiểu số, ở cấp độ cao hơn là đòi ly khai, thành lập một nhà nước riêng như ở Nam Tư trước đây. Cộng đồng gốc Kosovo và Albani chịu sự phân biệt, đối xử không công bằng từ Nhà nước Nam Tư - Nhà nước của người Serbia - vốn đề cao khẩu hiệu quốc gia dân tộc và quyền lãnh đạo tuyệt đối. Chính vì thế, cùng với sự sụp đổ của Liên bang Nam Tư, những người Kosovo đã đứng dậy, yêu cầu thành lập một nhà nước độc lập (Enver, 2000).

## 2.2. *Thuyết đồng hóa*

Quan điểm của thuyết đồng hóa cho rằng, QHTN là kết quả của quá trình tiếp xúc văn hóa giữa các tộc người, và mục đích của nó là nhằm tạo ra quyền lực chính trị, quyền tiếp cận nổi trội đối với các nguồn lực tự nhiên và xã hội cho một tộc người cụ thể. Quá trình đồng hóa diễn ra qua nhiều kênh: tiếp xúc văn hóa, hôn nhân, biến động nhân khẩu, giáo dục. Dưới khung tiếp cận này, các tộc người thiểu số được cho là cần phải được đồng hóa bởi văn hóa đa số, các thuộc tính tộc người trước đây của họ cần phải được thay thế bằng đặc điểm, giá trị văn hóa của tộc người đa số (Park, 1939).

Xu thế đồng hóa của tộc người đa số đối với nhóm thiểu số trước tiên diễn ra ở nhiều cấp độ khác nhau. Gordon (1964) cho

rằng, có 7 cấp độ đồng hóa: văn hóa hay hành vi, cấu trúc xã hội, hôn nhân, đặc tính tộc người, đặc tính ứng xử, hành vi, hay tính tự tôn tộc người. Tuy nhiên, một nghiên cứu khác đã chỉ ra rằng, mức độ và tính chất đồng hóa khác nhau ở các nhóm tộc người. Trường hợp ở Hoa Kỳ là một ví dụ: người Mỹ gốc Mexico giao lưu văn hóa với người Mỹ (trắng) nhiều hơn là bị đồng hóa (họ vẫn giữ được bản sắc của mình trong khi quá trình đồng hóa của văn hóa Mỹ đối với người Mỹ gốc Phi diễn ra mạnh hơn (Allen và Suzanne, 1990).

Quá trình đồng hóa văn hóa thường được các nhà nước cầm quyền tiến hành dưới nhiều hình thức, nhất là đối với những tộc người mới nhập cư vào một quốc gia nào đó. Mặc dù vậy, quá trình này chưa bao giờ thành công trọn vẹn bởi các tộc người luôn cố gắng duy trì một khoảng cách đáng kể với nhóm tộc người khác, mà trường hợp người Trung Quốc ở Đông Nam Á là một ví dụ (Tong, 2010). Chính vì thế, cũng có quan điểm, cần phải duy trì một “chủ nghĩa đa dân tộc tự do” [liberal multinationalism] mà ở đó nhà nước cần có những chính sách hỗ trợ đặc biệt đối với các tộc người thiểu số, giúp họ hòa nhập với cộng đồng đa số. Ổn định, gắn kết xã hội - theo quan điểm này, hoàn toàn có thể được đảm bảo trên nền tảng đa dạng về văn hóa. Luận điểm này được đưa ra dựa trên những nghiên cứu thực tế ở châu Âu và đặc biệt là Hungary (Kis, 1996).

### 2.3. Thuyết đa nguyên

Nhấn mạnh việc luôn tồn tại sự đa dạng về văn hóa trong một xã hội đa tộc người và sự đa dạng này có ích chứ không hề có tác động tiêu cực đến sự phát triển của

xã hội đó. Mỗi tộc người, bên cạnh việc cố gắng bảo lưu các giá trị văn hóa truyền thống của mình, cũng luôn chủ động tạo dựng những đặc điểm, giá trị văn hóa mới để phù hợp với thời cuộc. Các nhà nước cầm quyền cần ủng hộ xu thế này và nên duy trì sự khác biệt giữa các tộc người thông qua việc duy trì những khác biệt như: ngôn ngữ, tôn giáo, ẩm thực (Glazer, 1997). Nguồn gốc của lý thuyết này bắt nguồn từ Hoa Kỳ, được coi là nỗ lực của các nhà khoa học trong việc luận giải, bảo vệ sự đa dạng văn hóa, tôn giáo giữa các cộng đồng khác nhau ở quốc gia có sự đa dạng bậc nhất thế giới về tộc người này.

### 3. Quan hệ tộc người xuyên quốc gia (QHTNXQG)

Trong khi có khá nhiều lý thuyết đề cập đến quan hệ tộc người trong một quốc gia, cho đến nay, chưa có nhiều hệ thống lý thuyết đề cập sâu đến QHTNXQG. Dựa trên việc điếm qua một số nghiên cứu, chúng tôi xin tạm khái quát một vài khuynh hướng nghiên cứu chính như sau:

#### 3.1. Tương trợ và duy trì liên kết

Khuynh hướng này coi QHTNXQG như một hình thức *duy trì mối quan hệ tương trợ* giữa những cộng đồng tộc người cư trú ở các quốc gia khác nhau. Qua so sánh mối quan hệ giữa người cao tuổi ở Hoa Kỳ với người cao tuổi ở Pháp, có nghiên cứu đã chỉ ra rằng tuổi, trình độ học vấn, đặc điểm văn hóa là những nhân tố có ảnh hưởng đến quan niệm của người tham gia về mối quan hệ mà họ can dự. Trong khi người cao tuổi ở Pháp thiên về việc cho rằng, mối quan hệ tương trợ này là mối quan hệ có đi, có lại thì những người đồng niên với họ ở

Hoa Kỳ không thực sự xem nặng điều đó. Điểm chung mà cả hai nhóm này chia sẻ là việc nhìn nhận mối quan hệ hỗ trợ nhau nhằm giúp cho cuộc sống được hài lòng, trọn vẹn hơn (James, 1990).

Vẫn dưới khuynh hướng này, có nghiên cứu đã chỉ ra việc duy trì quan hệ xuyên quốc gia của những cộng đồng đã di cư, sinh sống ở quốc gia khác với đồng tộc ở quê nhà có vai trò quan trọng trong việc giúp họ duy trì bản sắc, tạo dựng một mạng lưới xã hội vững chắc. Cộng đồng người Mỹ gốc Philippines được coi là một “tộc người thuần nhất ngoài Philippines” (diaspora). Việc duy trì mối quan hệ mật thiết của họ với đồng tộc trong nước khiến họ khác hẳn các nhóm tộc người thiểu số khác ở Hoa Kỳ Okamura (1998).

### 3.2. Ứng phó và thích ứng

Điểm chung của khuynh hướng này là việc chỉ ra *những khó khăn mà các nhóm di cư lao động xuyên quốc gia phải vượt qua*, điển hình là định kiến từ cộng đồng tại chỗ. Carlsson và Rooth đã phát hiện ra thực tế những người có bất cứ dấu hiệu, đặc tính nào thuộc về cộng đồng người Ả-rập theo đạo Hồi có ít hơn 50% cơ hội được tuyển dụng so với những người gốc Thụy Điển. Người nhập cư gốc Ý, Do Thái ở Mỹ cũng chịu nhiều định kiến như vậy trong suốt giai đoạn từ cuối những năm 1880 cho đến đầu thế kỷ XX. Hai cộng đồng này, bên cạnh cộng đồng người nhập cư gốc Phi, Trung Quốc, chịu nhiều định kiến của cộng đồng người Mỹ gốc Anh. Kể từ sau sự kiện 11 tháng 9, cộng đồng Ả-rập theo đạo Hồi là cộng đồng chịu định kiến nhiều nhất trong

số các cộng đồng tộc người thiểu số ở Mỹ. Trong một nghiên cứu gần đây, Najjar (2001) đã mô tả khá chi tiết thực trạng định kiến của người Kuwait đối với người nhập cư gốc Palestine, khiến cộng đồng nhập cư này ở Kuwait suy giảm từ khoảng 450.000 người năm 1991 xuống còn khoảng 30.000 người vào năm 1999.

### 3.3. Xung đột

Khuynh hướng nghiên cứu thứ ba trở nên phổ biến hơn trong khoảng một thập kỷ trở lại đây nhìn nhận mối QHTNXQG ở ba chiều cạnh chính bao gồm: *khuếch tán và leo thang; tính xuyên quốc gia của xung đột tộc người; các phương thức hạn chế xung đột tộc người*. Theo cách nhìn này, xung đột tộc người có thể gây ra xung đột giữa các quốc gia hay gây ra nhu cầu trỗi dậy đòi hỏi quyền lực ở một nhóm tộc người cụ thể. Một số nghiên cứu cũng chỉ ra xu thế xung đột giữa các dân tộc trong một quốc gia, giữa các nhóm tộc người của quốc gia này với quốc gia khác, giữa một vài nhóm tộc người với nhà nước. Có xung đột đã dẫn đến việc hình thành quốc gia mới hay nội chiến trong suốt hàng thập kỷ. Nguyên nhân của những xung đột này khá đa dạng, có thể vì lý do tôn giáo, chủng tộc, lịch sử, địa bàn cư trú, quyền lợi kinh tế hay khác biệt về văn hóa.

Bên cạnh đó, mặt tích cực của mối QHTNXQG là góp phần hồi sinh, tăng cường cấu kết tộc người qua việc chia sẻ các niềm tin về nguồn gốc, đặc trưng văn hóa, tôn giáo, trao đổi kinh tế. Nhằm duy trì sự bền vững, ổn định của QHTNXQG, các tác giả cho rằng, cần xây dựng những phương

thức phù hợp với bản sắc tộc người trong việc xử lý những mối quan hệ tộc người.

#### 4. Một vài nhận xét

Ba lý thuyết về quan hệ tộc người trình bày ở trên là những cách nhìn quan trọng dưới góc độ lý thuyết khi đề cập đến quan hệ tộc người từ trước đến nay. Ra đời trong những bối cảnh lịch sử khác nhau, mỗi cách nhìn phản ánh bối cảnh lịch sử của từng giai đoạn, quốc gia hay khu vực địa lý cụ thể.

Lý thuyết chức năng chủ yếu tập trung luận giải những vấn đề ở tầm vĩ mô, nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa tộc người và Nhà nước, chủ yếu ở các nước châu Âu. Điều này phản ánh bối cảnh xã hội các quốc gia này có nhiều chuyển biến kể từ sau cuộc Cách mạng Công nghiệp ở Anh. Đây là giai đoạn chứng kiến sự hình thành của chủ nghĩa dân tộc, đồng thời với sự đấu tranh đòi thừa nhận vị trí pháp lý của nhiều nhóm tộc người thiểu số ở trong nội bộ các quốc gia này. Điểm tích cực của lý thuyết này là việc nhìn nhận mâu thuẫn tộc người như một *hiện tượng xã hội, mang tính tất yếu trong một xã hội đa tộc người và vai trò của Nhà nước trong việc điều tiết mối quan hệ tộc người*. Nó phản biện lại cách nhìn tiến hóa trước đó. Tuy nhiên, hạn chế của lý thuyết này là việc thừa nhận đặc quyền chính trị mặc định cho nhóm đa số.

Lý thuyết đồng hóa gắn liền với quá trình mở rộng thuộc địa, phát triển mạnh từ đầu thế kỷ XIX. Giao thoa, tiếp xúc văn hóa được coi là một quá trình tự nhiên khi có sự tiếp xúc giữa các tộc người, cộng đồng khác nhau. Giá trị của lý thuyết này là việc nhìn

nhận văn hóa trong trạng thái động, diễn tiến cho phù hợp với bối cảnh. Tuy nhiên, chịu ảnh hưởng của quan điểm vị tộc người (ethnocentrism), cách nhìn này đề cao vai trò của văn hóa của một nhóm cụ thể, lấy văn hóa của nhóm đó làm tham chiếu cho các nền văn hóa khác.

Các quan điểm theo trường phái đa nguyên đã phát triển tư tưởng chính của thuyết tương đối văn hóa ở một tầm cao hơn, khẳng định sự tồn tại bình đẳng của các tộc người, cộng đồng khác nhau cũng như những thực hành của họ. Những quan điểm này được hình thành trong quá trình khu vực hóa, toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ từ nửa cuối thế kỷ XX. Điều hạn chế của thuyết này là việc không đặt sự đa dạng văn hóa trong bối cảnh quốc gia với những đặc thù lịch sử kinh tế, chính trị, xã hội riêng biệt. Chính vì thế, ở một số quốc gia, quan điểm này không được ủng hộ, hoặc tiếp nhận dè dặt.

Quan hệ tộc người là một vấn đề tự nhiên, phản ánh bối cảnh kinh tế, xã hội, chính trị của một quốc gia chứ không nên bị mặc định là nhạy cảm. Mặc dù đề cao đặc trưng văn hóa tộc người, cần phải xây dựng một *hàng số văn hóa chung* cho tất cả các tộc người - đó là văn hóa quốc gia, văn hóa dân tộc. Điều đó nhằm đảm bảo sự đa dạng văn hóa giữa các tộc người không làm tổn hại đến lợi ích của quốc gia mà họ cùng chung sống trong đó.

#### Tài liệu tham khảo

1. Akalaev, Airat (1996), “Dynamics of the Moldova Trans-Dniester Ethnic Conflict”, in: *Ethnicity and Power in the Contemporary World*, ed. by Kumar Ruperinghe and others, United Nations University Press, Tokyo-New York-Paris.

2. Altsatadt, Andrey L. (1994), "O Patria Mia: national conflict in mountainous Karabakh", in: *Ethnic nationalism and regional conflict: The former Soviet Union and Yugoslavia*, edited by W. Raymond Duncan and Paul G. Holman, J. Boulder, Co: Westview Press.
3. Anderson, Benedict (1991), *Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism*, Verso, London.
4. Calhoun, Craig (1993), "Nationalism and ethnicity", *Annual review of Sociology*, Vol. 19, Pp. 211-239
5. Carlsson M., & Rooth, D. (2007), "Evidence of Ethnic Discrimination in the Swedish Labor Market Using Experimental Data", *Labour Economics*, Vol. 14, Pp. 716-729.
6. Enver, Hasani (2000), *Dissolution of Yugoslavia and the Case of Kosova: political and legal aspect*, Albanian Institute for International Studies.
7. Evans, Grant (1993), *Asia cultural mosaic: an anthropological introduction*, Prentice Hall, Simon & Schuster, Singapore.
8. Glazer, Nathan (1997), *We Are All Multiculturalists Now*, Cambridge, Mass. Harvard University Press.
9. Gorden (1964), *Assimilation in American Life*, Oxford University Press, New York.
10. Greenfeld, Liah (1992), *Nationalism: Five Roads to Modernity*, Harvard University Press, Cambridge.
11. Gumilev, L. N. (1990), *Ethnogenesis and the biosphere*, Progress, Moscow.
12. Hassan A El- Najjar (2001), *The Gulf War: Overreaction & Excessiveness*, Amazon Press, Dalton, GA.
13. Ilga, Apine (1995), "Latvia's Minorities in the context of the integration process", in: *Minority organizations; social elite, intellectuals*, edited by Elmars Vebers, Rasma Karkline.
14. John, Coakley (1990), "National Minorities and the Government of Divided Societies: A comparative analysis of some European Evidence", *European Journal of Political Research*, Vol. 18, No 4, Pp. 437-456.
15. Jonathan, Y. Okamura (1998), *Imagining the Filipino American Diaspora: Transnational relations, Identities and Communities*, Routledge, New York and London.
16. Keyes, Charles R. (1976), "Toward a new formulation of the concept of ethnic group", *Ethnicity* 3(3), Pp. 202-213.
17. Kis, Janos (1996), "Beyond the Nation State", *Social Research*, Vol. 63, Budapest, Hungary, Pp. 191-245.
18. Mallerer, Louis and George Taboulet (1937), *Ethnic Groups of French Indochina*, Societe des Etudes Indochinoise, Sai Gon.
19. Nosek, B. A. Smyth, F. L., Hansen, J. J., Devos, T., Lindner, N. M., Rangamath, K. A., Smith, C. T. (2007), "Pervasiveness and correlates of implicit

attitude and stereotype”, *European Review of Social Psychology*, 18, Pp. 36-88.

20. Park, Robert (1939), *Race relations and the Race Problem; a Definition and an Analysis*, Duke University Press, NC.

21. Salemink, Oscar (2002), *The Ethnography of Vietnam’s Central Highlanders: A Historical Contextualization, 1850-1990*, University of Hawaii’ Press, Honolulu.

22. Scott, James C. (2009), *The Art of Not Being Governed: An Anarchist History of Upland Southeast Asia*, Yale University Press, New Haven & London.

23. Tong, Chee Kiong (2010), *Ethnic identity and ethnic relations in Southeast Asia: Racializing Chinese*. Springer, National University of Singapore, Singapore.

24. Toni, Rebecca, James (1990), “Social support and reciprocity: a cross- ethnic and cross-nation perspective”, *Journal of Social and Personal Relationships*, Sage, London, Vol. 7, Pp. 519-530.

25. Williams, J. Allen Jr. and Ortega, Suzanne T (1990), *Dimensions of Ethnic Assimilation: An Empirical Appraisal of Gordon's Typology*, Sociology Department, Faculty Publications.  
<http://digitalcommons.unl.edu/sociologyfacpub/9>.



Người Bru - Vân Kiều ở Lào đi chợ tại thị trấn Lao Bảo,  
huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

Ảnh: Vũ Đình Mười